

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA LOẠI TỪ TIẾNG VIỆT
VÕ THỊ MINH HÀ* - HOÀNG THỊ YẾN** - LÂM THỊ HÒA BÌNH*****

TÓM TẮT: Loại từ tiếng Việt là chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước trong suốt một thế kỉ qua. Có thể nói, đây là vấn đề tồn tại nhiều ý kiến đa chiều nhất trong nghiên cứu Việt ngữ. Trên cơ sở tổng hợp các thành tựu nghiên cứu và quan điểm của các nhà Việt ngữ, bài viết này cố gắng phác họa bức tranh tổng thể về đặc điểm ngữ nghĩa của loại từ tiếng Việt. Loại từ là một tiểu loại danh từ, có chung một vị trí với danh từ đơn vị trong cấu trúc danh ngữ. Đa số các nhà Việt ngữ đều thống nhất quan điểm cho rằng, loại từ mang nghĩa khái quát bởi ý nghĩa ít nhiều bị hư hóa khi thay đổi chức năng ngữ pháp, chức năng quan trọng nhất của nó chính là phân loại danh từ. Tùy theo quan điểm của các nhà Việt ngữ, loại từ có thể là đơn vị từ vựng rộng nghĩa hay có nghĩa, là lâm thời hay chuyên nghiệp, là giả hiệu hay thực sự, là biệt loại hay không biệt loại, là hình thức thuần túy hay chứa cả hình thức lẫn nội dung... Các góc nhìn đa dạng khi tiếp cận vấn đề của các nhà Việt ngữ đã khiến cho bức tranh ngữ nghĩa của loại từ thêm màu sắc, mặc dù cũng vì thế, nó gây không ít khó khăn cho người học tiếng Việt.

TỪ KHÓA: loại từ tiếng Việt; đặc điểm ngữ nghĩa; nghĩa khái quát; nghĩa bị hư hóa; rộng nghĩa.

NHẬN BÀI: 08/11/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/01/2023

1. Đặt vấn đề

Một trong những vấn đề phức tạp, tồn tại nhiều ý kiến đa dạng nhất trong nghiên cứu Việt ngữ chính là vấn đề liên quan đến loại từ (classifier). Loại từ nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà Việt ngữ uy tín và cho đến nay đã đạt được nhiều thành tựu với những cách tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, cũng chính vì điều này mà thực tiễn dạy - học tiếng Việt với tư cách là tiếng mẹ đẻ (L1) hay như một ngoại ngữ (L2) gặp không ít khó khăn. Xuất phát từ thực tiễn này, chúng tôi tiến hành các nghiên cứu tổng quan, nhằm dựng lên một bức tranh tổng quát và hệ thống về nghiên cứu loại từ tiếng Việt ở phạm vi trong và ngoài nước. Cụ thể là, vấn đề liên quan đến các quan điểm trong tiếng Việt có hay không có loại từ, vấn đề đặc điểm chung của loại từ đã được chúng tôi đề cập đến trong Lâm Thị Hòa Bình, Võ Thị Minh Hà, Hoàng Thị Yến (2022); quan điểm của các nhà Việt ngữ về vai trò của loại từ trong danh ngữ là nội dung đã được tổng hợp, chỉnh lí cụ thể trong Trình Thị Phương Thảo, Hoàng Thị Yến (2022). Chúng tôi theo quan điểm của các nhà Việt ngữ cho rằng, loại từ là một tiểu loại danh từ, có chung một vị trí với danh từ đơn vị trong cấu trúc danh ngữ. Loại từ mang nghĩa khái quát bởi ý nghĩa ít nhiều bị hư hóa khi thay đổi chức năng ngữ pháp, nó có chức năng quan trọng là phân loại danh từ. Loại từ (được hình thành từ danh từ bị hư hóa) có thể đóng vai trò làm trung tâm ngữ pháp cùng với một danh từ khác làm trung tâm ngữ nghĩa, tạo thành trung tâm ghép (T1 + T2) của danh ngữ (theo quan điểm của Nguyễn Tài Cẩn, 1998, tr.215).

Trên cơ sở nghiên cứu các ngôn ngữ loại từ (classifier language), Grinevald (2000, tr.61) nhận định đặc điểm của loại từ là hình thành các hệ thống ngữ pháp của sự phân loại danh từ giữa hai thái cực: từ vựng và hình thái học. Đối với tiếng Việt, loại từ cũng cần được xem xét trên cả hai phương diện nghĩa từ vựng và nghĩa ngữ pháp. Trên cơ sở tổng hợp các thành tựu nghiên cứu và quan điểm của các nhà Việt ngữ, trong bài tham luận này, chúng tôi cố gắng làm rõ đặc điểm ngữ nghĩa của loại từ tiếng Việt.

* TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội; Email: havo@ussh.edu.vn

** TS; Trường Đại học CMC; Email: htyen@cmc-u.edu.vn

*** TS; Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội; Email: binhlt1973@vnu.edu.vn

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này thực hiện nghiên cứu tổng quan nhằm làm rõ quan điểm của các nhà Việt ngữ về đặc điểm ngữ nghĩa của loại từ tiếng Việt. Nguồn tư liệu chủ yếu từ nguồn các công trình tiếng Việt và tiếng Anh. Các nghiên cứu tiêu biểu trong tiếng Việt có: Nguyễn Tài Cẩn (1975), Hồ Lê (1983), Trần Đại Nghĩa (1996), Lưu Văn Lăng chủ biên (2000)...; các nghiên cứu tiêu biểu trong tiếng Anh có Allan (1977), Thompson (1965)... Bên cạnh đó, việc phân tích một cách có hệ thống các phạm trù nghĩa của loại từ cũng như các hiện tượng hư hóa của chúng trong ngôn ngữ cũng là một mục tiêu mà chúng tôi nỗ lực hướng tới.

3. Nội dung nghiên cứu

Việc xác định sự tồn tại nghĩa của loại từ, hay nói cách khác là chỉ ra những đặc điểm nhận biết hoặc gán cho thực thể mà danh từ biểu hiện, chủ yếu dựa vào trực giác của người bản ngữ, trực giác của người nước ngoài với vai trò quan sát về cấu tạo của các loại danh từ thể hiện thông qua loại từ, hoặc thông qua việc tìm hiểu cách thức người bản ngữ sử dụng loại từ với các từ hoặc sự vật mới (Allan, 1977, tr.290). Thực tế cho thấy người bản ngữ lựa chọn sử dụng loại từ một cách khá thống nhất dựa trên những đặc điểm quan sát được của sự vật được biểu thị, đặc biệt là với những đối tượng ngoại lai, là bằng chứng rõ nhất của việc thể hiện ngữ nghĩa của loại từ. Khi nghiên cứu ngữ nghĩa của loại từ trong các ngôn ngữ có loại từ, các nhà nghiên cứu thường xem xét đến phạm trù “loại” và tổng kết thành bảy phạm trù, cụ thể là: chất liệu (material), hình dáng (shape), tính đồng nhất (consistency), kích cỡ (size), vị trí (location), cách bố trí/ sắp xếp (arrangement) và phần tử (quanta). Mỗi loại từ được sử dụng có thể là sự kết hợp của nhiều phạm trù loại. Đối với loại từ tiếng Việt, các nhà Việt ngữ học tiếp cận từ hai góc độ: i. các đặc điểm về nghĩa; ii. các loại nghĩa của loại từ.

3.1. Các đặc điểm về nghĩa của loại từ

Với bản chất từ loại là danh từ, loại từ cũng mang nghĩa thực nhưng sẽ “rỗng” nghĩa hơn so với các tiểu loại danh từ khác. Nguyễn Tài Cẩn cho rằng, loại từ gồm “một nhóm không có ý nghĩa từ vựng rõ ràng và chuyên dùng để phục vụ việc đếm thành từng cá thể, thành từng đơn vị tự nhiên của sự vật cũng như phục vụ việc phân chia sự vật vào các loại” (Nguyễn Tài Cẩn, 1975, tr.123). Năng lực tham gia xếp loại của loại từ cũng đã được M.B. Emeneau nhắc đến từ năm 1951 và ý kiến này cũng được hầu hết các nhà nghiên cứu sau này chia sẻ. Chính vì không biểu thị một thực thể cụ thể nên trong một thời gian dài, do ảnh hưởng của quan niệm thực từ - hư từ, sự “rỗng” nghĩa của đơn vị này đã khiến nó bị xếp vào nhóm các hư từ. Căn cứ vào sự “rỗng” nghĩa này, nhiều nhà nghiên cứu đã chia loại từ thành hai loại: loại từ chuyên nghiệp và loại từ lâm thời (cách dùng của Nguyễn Tài Cẩn, 1975); loại từ thực sự và loại từ giả hiệu (cách dùng của Phan Ngọc, 1998); danh từ không có biệt loại và danh từ có biệt loại (cách dùng của M.B. Emeneau, 1951). Có thể thấy, các loại từ lâm thời/ giả hiệu là một khối từ vựng mở bởi nó có khả năng thu nhận một khối lượng lớn các danh từ khi muốn thể hiện ý nghĩa đo, đếm, phân loại, ví dụ: *cốc* (một *cốc bia*), *vốc* (một *vốc hạt dưa*), *nắm* (một *nắm gạo*), *vại* (một *vại dưa muối*),...; hoặc chỉ người, ví dụ: *anh*, *em*, *ông*, *bà*,...; hoặc chỉ thứ bậc: *lớp*, *hạng*, *bậc*,... Vì đã xác định được bản chất của loại từ là danh từ nên các danh từ thực thụ (*cốc*, *vốc*, *nắm*, *vại*,...) không thể được coi là có quá trình ngữ pháp hoá. Tuy nhiên, rõ ràng trong các trường hợp được sử dụng như loại từ, ý nghĩa cụ thể về danh từ của chúng đã bị “hao mòn” ở mức độ nhất định để đảm nhiệm vai trò là trung tâm của danh ngữ. Trong quá trình phát triển của mình, tiếng Việt cũng đã sử dụng phương pháp “bào mòn ý nghĩa thực” của hai động từ *bị*, *được* để sử dụng trong cấu trúc bị động và ý nghĩa động từ của chúng vẫn được sử dụng trong các trường hợp khác.

Bên cạnh các *loại từ lâm thời/ loại từ giả hiệu/ danh từ có biệt loại* như vậy, cái lõi của loại từ là một nhóm các từ mà các nhà nghiên cứu gọi là *loại từ chuyên nghiệp/loại từ thực sự/ danh từ không*

có biệt loại... Theo các nhà nghiên cứu như L.C. Thompson (1965), Phan Ngọc (1988),...số lượng loại từ thực sự chỉ gồm vài chục từ. Trần Đại Nghĩa (2000, tr.189) đã rút ra những đặc điểm ý nghĩa của loại từ như sau: i. chỉ sự vật (thực thể); ii. không định danh sự vật; iii. chỉ một sự vật; iv. phản ánh một hoặc vài thuộc tính của sự vật, v.v. luôn chỉ phần tử (khác với danh từ chung chỉ tập hợp). Theo Lưu Văn Lăng, loại từ tuy là một loại hạn từ, phụ vào cho hạt nhân danh từ, nhưng không phải là hư từ, là hoàn toàn rỗng nghĩa, ít nhiều nó vẫn có nội dung ngữ nghĩa nhất định. Bởi loại từ, vốn là danh từ chỉ đơn vị, nhưng trong trường hợp đặt trước một danh từ khác, nghĩa từ vựng của nó không được giữ nguyên, ít nhiều đã bị giảm sút. Tuy nhiên, dù có giảm đến mức tối đa thì ít nhất nội dung của nó vẫn phải có để có thể đảm nhận chức năng mới, không phải định danh như danh từ mà là chức năng của một loại phụ cho hạt nhân danh từ đặt sau nó, chức năng của một từ loại mà nhiều người thường gọi là *loại từ* (Lưu Văn Lăng chủ biên, 2000, tr.11).

Theo Cao Xuân Hạo (1999, tr.343-346), không chỉ dừng lại ở các nhận xét đại cương, trong cuốn Ngữ pháp Việt Nam, Trương Vĩnh Ký đã đưa ra một danh sách gồm 212 loại từ, mà ông gọi là các danh từ số (noms numériques), một danh sách gồm 205 danh từ đơn vị có hình thức thuần túy và 228 danh từ đơn vị có hai mặt hình thức và nội dung. Bên cạnh đó, tác giả Trần Đại Nghĩa (2000, tr.191-195) đã phân chia loại từ thành các tiểu loại như bảng sau:

Bảng 1. Tiêu chí phân loại và các tiểu loại của loại từ tiếng Việt

TT	Tiêu chí phân loại	Các tiểu loại	Ghi chú
1	Chỉ ra một hoặc vài thuộc tính của sự vật	Loại từ chỉ loài chung (<i>con, cái...</i>) và chỉ loài riêng (<i>bức, quyển, thằng, đứa...</i>)	Trần Trọng Kim
		Loại từ chỉ sự vật động (<i>con, thằng, đứa, vị...</i>) và chỉ sự vật tĩnh (<i>cái, cuốn, miếng, hòn...</i>)	Phan Khôi
		Loại từ chỉ người (<i>đứa, tên, vị...</i>), chỉ động vật (<i>con...</i>), chỉ đồ đạc (<i>chiếc, hòn...</i>), chỉ khái niệm trừu tượng...	Nguyễn Tài Cẩn
2	Ý nghĩa chỉ phần tử	Loại từ chỉ phần tử bậc 1 (thế giới thực thể là một tập hợp, mỗi thực thể là duy nhất: <i>cái</i>), bậc 2 (Thế giới thực thể duy nhất chia thành tập hợp thực thể dạng loại thể <i>con</i> , và dạng loại thể không phải là <i>con</i> : <i>con</i> và <i>cái</i>), bậc 3 (Tập hợp thực thể loại thể <i>con</i> chia thành tập hợp loại thể động vật - <i>con</i> trong <i>con</i> gì và loại thể người - <i>đứa</i> trong <i>đứa</i> nào), bậc 4 (tập hợp loại thể người phân thành người nam - <i>thằng</i> nào và người nữ - <i>con</i> nào), bậc 5 (tập hợp <i>người nam/nữ</i> chia thành <i>người nam/nữ lớn</i> và <i>người nam/nữ nhỏ</i> - <i>cái Ti/ thằng cu Ti</i>)...	Trần Đại Nghĩa

Chia sẻ quan điểm về bản chất danh từ của loại từ, Cao Xuân Hạo (2000, tr.37-38) cho rằng, loại từ không phải là một từ loại, nó chỉ là một trong những chức năng và ý nghĩa có thể có được của danh từ. Tính hạn chế (không độc lập) của loại từ trong tiếng Việt là thuộc tính chung của tất cả các danh từ đơn vị có tính hình thức thuần túy. Theo ông, so với các danh từ khác, các danh từ chỉ đơn vị biểu thị hình thức thuần túy ít khi dùng một mình làm bổ ngữ hơn, ngược lại, các danh từ đơn vị lại yêu cầu có một định ngữ hay một lượng ngữ đi kèm. Ngoài chức năng chính làm trung tâm danh ngữ,

danh từ biểu thị hình thức thuần túy còn có chức năng làm định ngữ cho danh từ khối (ví dụ: bên cạnh *tám lưa* còn có *lưa tám*, bên cạnh *viên thuốc* còn có *thuốc viên*)... Tác giả cũng khẳng định các danh từ đơn vị biểu thị hình thức thuần túy (trong đó có loại từ) tuyệt nhiên không phải là chỉ có ý nghĩa ngữ pháp, không phải là rỗng nghĩa, cũng không có tác dụng phân loại (nếu hiểu loại ở đây là chủng loại tự nhiên)... (Cao Xuân Hạo, 2000, tr.41-43).

Keith Allan (1977) cho rằng, loại từ có nghĩa, theo cách hiểu rằng một loại từ chỉ ra nhận thức rõ ràng hoặc đặc điểm ngầm định của một thực thể mà theo đó, một danh từ chỉ ra (hoặc có thể chỉ ra¹). Đồng quan điểm này, Cao Xuân Hạo (2000, tr.60-61) cho rằng, thuật ngữ “loại từ” là một từ (cũng có thể là một hình vị) dùng để phân loại. Tuy nhiên, loại từ chỉ dùng để phân loại danh từ - phân danh từ thành các tiểu loại danh từ dùng để chỉ một chủng loại sự vật nào đấy (vô sinh vật (*cái cây*...), sinh vật (*con ốc*...), người (*người cây*...))... Loại từ cho biết các danh từ đứng sau nó gọi tên các sự vật thuộc chủng loại nào. Tuy nhiên, trong các danh từ như *hòn đá*, *viên thuốc*, *tập giấy*... các danh từ đi sau cùng hay không cùng chủng loại nhưng tồn tại dưới những hình thức khác nhau, làm thành những vật, những đơn vị khác nhau, đều phân lập trong một không gian, tách từng cái một, có thể đếm được. Tác giả cho rằng, danh từ đứng sau mới phù hợp với tên gọi loại từ, chỉ chủng loại. Bên cạnh đó, việc dùng những danh từ chỉ đồ đựng để đo lường đối tượng được chứa cần định lượng là chuyện khá phổ biến trong các ngôn ngữ. Tuy nhiên, cần chú ý là sự chuyển đổi nghĩa từ vựng này nhất thiết phải đi đôi với sự chuyển đổi hình thức ngữ pháp (từ danh từ khối thành danh từ đơn vị và ngược lại) (Cao Xuân Hạo, 2000, tr.68).

Tựu chung lại, có thể thấy, các nhà Việt ngữ học đều thống nhất rằng ý nghĩa của loại từ thường không “đặc” như các tiểu loại danh từ khác. Cho dù còn khác nhau trong quan niệm về bản chất từ loại của loại từ nhưng các nhà nghiên cứu đều nhận thấy năng lực chỉ đơn vị và miêu tả của đơn vị này. Dưới đây là quan điểm của các nhà Việt ngữ đối với việc phân chia về năng lực thể hiện ý nghĩa của loại từ trong tiếng Việt.

3.2. Các loại nghĩa của loại từ

Do là các danh từ “rỗng” nghĩa nên loại từ không có ý nghĩa miêu tả cụ thể một sự vật, sự việc mà đó là ý nghĩa của cả một nhóm. Lưu Văn Lăng (2000, tr.23) cho rằng, dựa vào hình thức cấu tạo và nội dung ngữ nghĩa của danh ngữ, có thể xác định được nhiều nhóm loại từ, ví dụ: chỉ vật (*cái, chiếc, bức*...); chỉ người (*đứa, thằng*...); chỉ động vật (*con, bầy*...); chỉ thực vật (*đóa, bụi*...); chỉ chất liệu (*cục, hòn*...), hiện tượng thiên nhiên (*tia, trận*...); khái niệm trừu tượng (*sự, nỗi, mối*...). Khi xác định tính chất từ loại, trước hết, người ta thường dựa vào hệ liên tưởng ý nghĩa có tính khái quát của từ đó (ví dụ như tính sự vật đối với danh từ, tính hành động, trạng thái với động từ, tính đặc trưng với tính từ). Các từ loại có hình thức và chức năng cú pháp khác nhau là do chúng thuộc về những ý nghĩa phạm trù khác nhau. Theo Trần Đại Nghĩa (2000, tr.177-181), các từ như *con, cái, bức, cuốn*... là những loại từ điển hình của tiếng Việt, chúng chỉ định cho chúng ta tới những sự vật. Khác với danh từ, loại từ chỉ định đến sự vật nhưng không phải để định danh. Khác với đại từ (thể hiện rất rõ số ít hay nhiều), loại từ thường gọi lên một sự vật luôn là đơn nhất.

Trong các danh ngữ bắt buộc phải có loại từ, việc sử dụng loại từ thể hiện sự tinh tế và đánh giá chủ quan của người nói. Ví dụ: *một ngọn đèn* và *một cây đèn* giống nhau về căn bản, tuy nhiên chúng khác nhau về sắc thái phong cách mà chỉ người bản ngữ mới nhận ra. Trong các danh ngữ bắt buộc phải có sự xuất hiện của loại từ, việc đưa loại từ vào sẽ luôn có hàm ý đánh giá và chỉ xuất của người nói (so sánh hai danh ngữ: *một học sinh* và *một thằng học sinh*). Tác giả Đinh Văn Đức, Kiều Châu

¹ Classifiers have meaning, in the sense that a classifier denotes some salient perceived or imputed characteristic of the entity to which an associated noun refers (or may refer) (Keith Allan, 1977)

(2000, tr.141) cho rằng, loại từ có ý nghĩa mô tả, đây là một nét ý nghĩa có tính chất phong cách. Sắc thái này là một loại ý nghĩa chức năng xuất hiện do sự đối lập, khu biệt giữa các hình thức phân lập cùng một sự vật. Về nét nghĩa miêu tả của loại từ, Hồ Lê (1983) cho rằng loại từ ở trạng thái động khi kết hợp với các danh từ khối ở phía sau. Những loại từ không “xuất thân” từ những danh từ miêu tả sự vật thì ở trạng thái tĩnh, nghĩa miêu tả của chúng thường mờ nhạt. Thử so sánh hai danh ngữ: *lá thư* và *bức thư*: vì là loại từ “giả hiệu” nên nghĩa miêu tả của *lá thư* nổi trội hơn do người nói và người nghe có thể liên tưởng đến cái lá cụ thể.

Bên cạnh đó, trong nhóm các danh từ chỉ người, khi được sử dụng với tư cách là loại từ, chúng còn có khả năng thể hiện sắc thái khinh - trọng. Nguyễn Tài Căn (1975) và Phan Ngọc (1988) cho rằng, loại từ thể hiện sự đánh giá của con người về quan hệ kiểu đơn vị riêng lẻ hay gồm nhiều bộ phận, quan hệ về sự so sánh về hình dáng, trạng thái, cấu tạo... Phan Ngọc (1988) đưa ra các gợi ý về việc phân tích ý nghĩa của loại từ tiếng Việt như sau: Một là, khi giải nghĩa loại từ với tư cách là mục từ trong từ điển cần chú ý những điểm sau: i. Các từ *đứa, thằng...* tuy là danh từ chỉ cách xưng gọi nhưng hầu như không có tính độc lập, mang sắc thái *khinh* nên không kết hợp với “thưa” ở trước như trường hợp của các danh từ có tính độ lập, sắc thái *trọng* (như *ông, bà, anh...*). ii. Danh từ chỉ đơn vị đo lường có tính linh hoạt, đa dạng, ranh giới của nó với danh từ chỉ hành động khá tế nhị (*mặc 2 lần áo - mặc hai lớp áo* khác với *mặc áo 2 lần - mới mặc chiếc áo này 2 lần*). iii. Từ chỉ đơn vị không gian và thời gian đứng trước danh từ biệt loại chỉ có thể là danh từ chỉ đơn vị đối tượng/loại từ (*một giờ tàu hỏa*) chứ không phải là danh từ chỉ đơn vị hành động (*đi tàu hỏa một giờ rồi...*). Ở nhóm các danh từ chỉ đơn vị đối tượng, có thể không đưa các từ như *biển, trời, rừng...* vào vì chúng ít nhiều mang ý nghĩa ẩn dụ (*1 biển nước, 1 rừng người...*). Căn cứ vào nội dung ngữ nghĩa, tác giả đề xuất nên phân loại loại từ thành các tiểu nhóm nhỏ như sau: i. nhóm chỉ cá thể tự nhiên của động vật; ii. nhóm chỉ cá thể tự nhiên của thực vật; iii. nhóm chỉ cá thể tự nhiên của đồ dùng và bộ phận cơ thể, phương tiện; iv. nhóm chỉ cá thể tự nhiên của thực thể, chất liệu trong thiên nhiên; v. nhóm chỉ xưng gọi trong xã hội; nhóm chỉ đơn vị đo lường (chính xác và ước lượng); vi. nhóm chỉ loại. Cũng cần chú rõ trong từ điển các đơn vị kiêm dùng có thể biểu đạt nhiều nội dung (ví dụ: *con chim, con xe, con nước*), qua đó cũng giúp người dùng và người học thấy rõ hơn tuyến chuyển nghĩa của loại từ. Hai là, cần phân biệt từ chỉ đơn vị thành hai nhóm: i. Nhóm các từ chỉ đối tượng cụ thể hoàn toàn khác nhau, không biểu đạt cùng một thứ sự vật, khác nhau phần nào về một sắc thái ý nghĩa nào đó (*tạ, tấn hay buông mũi, nải...*). ii. Nhóm các từ có khả năng như vậy được tách thành 3 nhóm: các từ đồng nghĩa (kiểu như *1 ngôi sao - 1 vì sao - 1 ông sao...*); các từ tương cận về hình dáng (kiểu như *cái nhà - ngôi nhà - tòa nhà - nếp nhà...*); các từ thể hiện quan hệ đối xử (kiểu *cái nôi đồng - ông nôi đồng - lão nôi đồng - thằng nôi đồng...*).

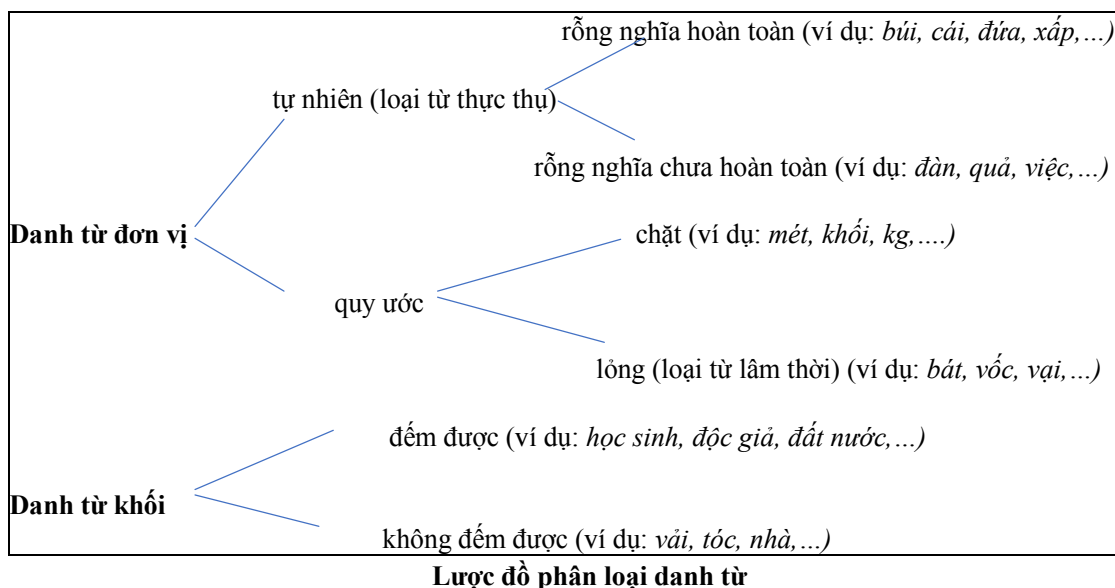
Về nghĩa của loại từ trong tiếng Việt, tác giả Trần Đại Nghĩa (1996, tr.3) cho rằng: thành tố loại từ mang nghĩa đen, danh từ mang nghĩa bóng. Tác giả Lưu Văn Lăng (2000, tr.25-27) lại chủ trương, danh từ thường vốn có nghĩa đen của nó (ví dụ: *lá chuối, lá chanh...*). Tuy nhiên, khi đặt trước một danh từ khác, nghĩa từ vựng của chúng ít nhiều bị hư hóa, trở thành rỗng ruột hoặc trống nghĩa, chỉ còn tác dụng xác định chủng loại và xác định đơn vị, tức là trở thành loại từ (ví dụ: *lá phổi, lá cờ...*). Chính loại từ mới là các đơn vị ngôn ngữ mang nghĩa bóng. Tác giả nhấn mạnh: Trong khi danh từ đơn vị có tác dụng chủ yếu là định lượng thì loại từ chủ yếu có chức năng định tính, định loại, có tác dụng nhiều về tu từ, mang nhiều ý tứ tế nhị, tinh vi, có giá trị thẩm mỹ, văn chương. Ví dụ, trước từ “bánh” có thể đặt nhiều loại từ khác nhau (*cái, mẫu, tấm, thùng, làn, món...*) tùy theo ngữ cảnh, tùy cái tài của người nói, người viết. Một nét nghĩa khác cũng cần được chú ý của loại từ, đó là: loại từ thường gợi lên một vài thuộc tính của sự vật (ví dụ: động vật hay bất động vật...) (Trần Đại Nghĩa, 2000, tr.177-181).

4. Luận bàn và Kết luận

Kết quả phân tích cho thấy các nhà nghiên cứu rất chú trọng đến nghĩa của các đơn vị từ vựng nói chung và nghĩa của loại từ nói riêng. Sự “biến đổi” liên tục trong nghĩa của các đơn vị được gọi là “loại từ” trong các ngữ cảnh khác nhau có ảnh hưởng không nhỏ đến nhận định và phân loại loại từ của các nhà nghiên cứu. Khi mang nghĩa, loại từ được chấp nhận trong nhóm thực từ, là danh từ đơn vị. Khi mất nghĩa, chúng được đưa vào nhóm hư từ, từ trống nghĩa. Giữ cùng một vị trí trong hệ thống cú pháp, loại từ mang nghĩa trở thành *danh từ đơn vị*, nếu không mang nghĩa, nó được gọi là *hư từ* hoặc *phụ tố*. Sự tồn tại của loại từ tiếng Việt, theo nhiều nhà nghiên cứu, có thể nói rằng gắn chặt với nghĩa. Nghĩa còn, nó được công nhận là tồn tại, nghĩa mất, nó coi như không tồn tại. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, đây chỉ là do ảnh hưởng của truyền thống phân chia từ vựng thành thực từ và hư từ của Trung Hoa. Có thể thấy rằng loại từ là danh từ và vì là danh từ nên nó đương nhiên có nghĩa. Chỉ là nghĩa của nó, với các loại từ thực thụ, thì rộng hơn so với các loại từ giả hiệu/lâm thời và các tiểu loại danh từ khác.

Việc thay đổi vị trí trong danh ngữ hoặc trong câu của loại từ có thể khiến chúng có tính độc lập cao khi thể hiện cả chức năng ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa. Khi thực hiện chức năng ngữ pháp, loại từ bị tác động của ngữ cảnh và chịu ảnh hưởng của nghĩa. Nó có thể đại diện cho danh ngữ khi nghĩa của nó được nhận biết đầy đủ nhất, ngược lại, có thể nó chỉ là một yếu tố nhỏ bé không thể đứng độc lập trong trường hợp ngữ cảnh không cho phép. Do đó, nếu như với một ngôn ngữ có loại từ, vị trí của loại từ luôn được xác định trong danh ngữ thì ở tiếng Việt, vị trí đó không phải lúc nào cũng được làm đầy. Trong một ngôn ngữ có loại từ, mỗi quan hệ ngữ pháp - ngữ nghĩa của loại từ là cố định thì trong tiếng Việt, đây sẽ là mối quan hệ linh hoạt, được quyết định bởi thói quen và mức độ cảm nhận của người bản ngữ đối với mỗi yếu tố trong kết hợp danh ngữ

Có thể thấy, loại từ tiếng Việt không chỉ là yếu tố để cụ thể hóa danh từ về số lượng, tính chất, giới tính, hình thức... mà còn được sử dụng như một danh từ với nghĩa và chức năng độc lập. Do đó, về hình thức, loại từ tiếng Việt không dễ phân định rõ ràng nếu không được đặt trong một ngữ cảnh cụ thể. Trên cơ sở này, chúng tôi đề xuất việc phân chia từ loại danh từ theo lược đồ sau:



Sau khi giải quyết được vấn đề từ loại của loại từ, khẳng định nó là một tiểu loại danh từ hay một chức năng vốn có của danh từ, một số nhà nghiên cứu tiêu biểu như Cao Xuân Hạo (2000), Hoàng Dũng và Nguyễn Thị Ly Kha (2008), Vũ Đức Nghiệu (2021)... đã xếp nó vào cùng nhóm với các danh từ đơn vị... Có thể thấy, vấn đề tổng hợp đặc điểm ý nghĩa của loại từ nói riêng và các vấn đề liên quan đến loại từ nói chung theo quan điểm của các nhà Việt ngữ cần được thực hiện một cách triệt để và hệ thống hơn. Đặc biệt cần đầu tư thời gian và công sức để có thể khảo cứu nhiều hơn nữa các nghiên cứu trong và ngoài nước, các công trình công bố bằng tiếng Việt, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lâm Thị Hòa Bình, Võ Minh Hà, Hoàng Thị Yên, (2022), *Vị trí của loại từ trong hệ thống từ loại tiếng Việt*. HTQG Ngữ học toàn quốc lần thứ 22: *Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập quốc tế*. Hội Ngôn ngữ học Việt Nam và ĐH Ngoại ngữ - Du lịch, ĐH Công nghiệp HN, tổ chức 23/10/2022, tr.150-159.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
3. Hoàng Dũng, Nguyễn Thị Ly Kha (2008), *Danh từ và các tiểu loại danh từ trong tiếng Việt*, tr.213- 232. In trong *Ngữ pháp tiếng Việt. Những vấn đề lý luận*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
4. Đinh Văn Đức, Kiều Châu (2000), *Góp thêm đôi điều vào việc nghiên cứu danh ngữ tiếng Việt*, tr.129-145. In trong Lưu Văn Lãng chủ biên (1994). *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
5. Cao Xuân Hạo (1999), *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
6. Cao Xuân Hạo (2000), *Nghĩa của “loại từ”*, tr.32-87. In trong Lưu Văn Lãng chủ biên (2000). *Loại từ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội
7. Lưu Văn Lãng (2000), *Một số vấn đề về loại từ trong tiếng Việt*, tr.9-31. In trong Lưu Văn Lãng chủ biên (2000), *Loại từ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
8. Hồ Lê (1983), "Một số vấn đề xung quanh vị trí bắt buộc và vị trí tùy ý trong danh ngữ tiếng Việt hiện đại". Tạp chí *Ngôn ngữ*. Số 1.1983.
9. Trần Đại Nghĩa (1996), *Sự tổ hợp loại từ với danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. Luận án PTS. Viện Ngôn ngữ học.
10. Trần Đại Nghĩa (2000), *Một cách xác định loại từ trong tiếng Việt*, tr.168-199. In trong Lưu Văn Lãng chủ biên (2000). *Loại từ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
11. Vũ Đức Nghiệu (2021), *Bước ngoặt trong tư tưởng Nguyễn Tài Cẩn về thành tố trung tâm danh ngữ*. In trong *Nguyễn Tài Cẩn tư tưởng, tác phẩm... và kỉ niệm*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Phan Ngọc (1988), *Thử trở lại câu chuyện loại từ*, tr.54-65. In trong Lưu Văn Lãng chủ biên (1988). *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
13. Trình Thị Phương Thảo, Hoàng Thị Yên (2022), *Vai trò của loại từ trong danh ngữ tiếng Việt (theo quan điểm của các nhà Việt ngữ)*. HTQG Ngữ học toàn quốc lần thứ 22: *Ngôn*

ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập quốc tế. Hội Ngôn ngữ học VN và ĐH Ngoại ngữ - Du lịch, ĐH Công nghiệp HN, tổ chức 23/10/2022, tr. 1312-1318.

Tiếng Anh

14. Keith Allan (1977), *Classifiers Language*, Vol. 53, No. 2. (Jun., 1977), pp. 285-311.

15. Thompson (1965), *A Vietnamese Grammar*. University of Washinton Press.

Semantic features of Vietnamese classifiers

Abstract: Vietnamese classifiers have been the topic receiving much attention from domestic and foreign researchers over the past century. Probably, this is the most controversial issue in Vietnamese language research. On synthesizing researches and viewpoints of Vietnamese linguists, this article attempts to create a whole picture of semantic features of Vietnamese classifiers which are noun subcategory sharing the same position as unit nouns in noun structures. Most Vietnamese linguists agree that classifiers have general meanings because their meanings are more or less faded when their grammatical functions of which the most important is noun classification change. From different viewpoints of Vietnamese linguists classifiers can be of full or “hollow” meaning, provisional or professional, pseudo or real, special or non-specific, of pure form or containing both form and content... Diverse perspectives on the issue have made the semantic picture of classifiers more colorful, though they may also cause confusions and difficulties for Vietnamese learners.

Key words: Vietnamese classifier; semantic characteristics; general meaning; faded meaning; “hollow” meaning.